

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN TÂN PHÚ  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 984/HNGĐ-ST  
Ngày: 30/8/2022  
V/v Ly hôn.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lê Ngọc Thanh

2. Bà Nguyễn Thị Thảo Linh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Võ Thị Bích Đào, Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:** Bà Trần Mai Hảo, Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 390/2022/HNST ngày 13 tháng 4 năm 2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Kim T - sinh năm 1977 (Có mặt)

Địa chỉ: 149/14/1 đường L, Phường T, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**Bị đơn:** Ông Đặng Phước T- sinh năm 1976 (Có mặt)

Địa chỉ: 149/14/1 đường L, Phường T, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai, các buổi hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T trình bày:* Bà và ông Đặng Phước T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2003, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, theo giấy chứng nhận kết hôn số 255 ngày 27/10/2003.

Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau. Ông Thành có những mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai. Năm 2018 bà đã gửi đơn lên Tòa án quận Tân Phú

xin ly hôn, sau đó Tòa hòa giải cả hai đoàn tụ về sống chung, khi về sống chung thì mâu thuẫn vợ chồng vẫn không cải thiện nên cả hai đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay. Nay bà xin ly hôn cùng ông T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đặng Thành Đ, sinh ngày 10/08/2004 và Đặng Kim N, 09/09/2009. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đặng Kim N sinh ngày 09/09/2009, yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi trưởng thành. Đối với con chung là Đặng Thành Đ, sinh ngày 10/08/2004 đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà xin tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

*Tại bản tự khai, các buổi hòa giải trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn ông Đặng Phước T trình bày:* Ông thống nhất với lời trình bày của bà T về thời gian sống chung và đăng ký kết hôn giữa hai người là đúng.

Về quan hệ hôn nhân: Vợ chồng chung sống thời gian đầu hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà T hay ghen tuông, không tôn trọng chồng. Năm 2018 bà T có gửi đơn lên Tòa án quận Tân Phú xin ly hôn, sau đó Tòa hòa giải cả hai đoàn tụ về sống chung. Đến tháng 11/2021, bà T tự ý sống ly thân chồng tiếp tục làm đơn xin ly hôn. Nay bà T xin ly hôn thì ông không đồng ý vì ông còn thương vợ con.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Đặng Thành Đ, sinh ngày 10/08/2004 và Đặng Kim N, sinh ngày 09/09/2009. Do ông không đồng ý ly hôn nên ông không tranh chấp gì về con chung

Nếu tòa xử cho ly hôn thì ông đồng ý giao con chung Đặng Kim N, 09/09/2009 cho bà T nuôi dưỡng, ông cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi trưởng thành. Đối với con chung là Đặng Thành Đ, sinh ngày 10/08/2004 đã trưởng thành nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng quy định tại các Điều 48, Điều 49, Điều 51 Điều 63 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc Tòa thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, đúng quan hệ tranh chấp và về thu thập chứng cứ, xác định đúng tư cách đương sự. Yêu cầu chung đối với phiên tòa sơ thẩm Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo quy định tại Điều 222, Điều 228 Bộ Luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình 2014,

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T về việc xin ly hôn ông Đặng Phước T.

Về con chung: Bà Đỗ Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đặng Kim N, sinh ngày 09/09/2009. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 9/2022 đến khi trẻ trưởng thành. Đối với con chung là Đặng Thành Đ, sinh ngày 10/08/2004 đã trưởng thành Con chung đã trưởng thành nên không xem xét.

Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Xét đơn khởi kiện của bà Đỗ Thị Kim T yêu cầu ly hôn cùng ông Đặng Phước T, đây là tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Do bị đơn hôn ông Đặng Phước T có nơi cư trú tại quận Tân Phú nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

*[2] Về nội dung tranh chấp:*

- *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 255 ngày 27/10/2003 của Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh có đủ cơ sở xác nhận hôn nhân giữa bà Đỗ Thị Kim T và ông Đặng Phước T là hợp pháp phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Bà Đỗ Thị Kim T trình bày nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống với nhau. Ông T có những mối quan hệ với người phụ nữ khác bên ngoài làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng nhạt phai.

Ông Đặng Phước T trình bày vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Bà T hay ghen tuông, không tôn trọng chồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng giữa bà T và ông T mâu thuẫn thực tế có xảy ra vì cả hai đều thừa nhận. Năm 2018 bà T có gửi đơn lên Tòa án quận Tân Phú xin ly hôn, sau đó Tòa hòa giải cả hai đoàn tụ về sống chung vẫn không hòa hợp, cả hai đã sống ly thân từ tháng 11/2021 đến nay, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên không thể xây dựng gia đình hạnh phúc theo Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “ Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu...có nghĩa vụ sống chung...”. Do vậy, xét yêu cầu ly hôn của bà T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên chấp nhận.

- *Về con chung:* Bà T và ông T có hai con chung tên hai con chung là Đặng Thành Đ, sinh ngày 10/08/2004 và Đặng Kim N, sinh ngày 09/09/2009. Bà yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Đặng Kim N, 09/09/2009, yêu cầu ông T cấp dưỡng

nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi trưởng thành. Đối với con chung là Đặng Thành Đ, sinh ngày 10/08/2004 đã trưởng thành nên cả hai không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy trẻ Đặng Kim N, sinh ngày 09/09/2009, nguyện vọng của trẻ được sống cùng mẹ, ông T Cũng đồng ý giao trẻ N cho bà T nuôi dưỡng vì vậy Hội đồng xét xử giao trẻ N cho bà T nuôi dưỡng. Ông T tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 4.000.000 đồng đến khi trưởng thành nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Hai bên không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) do nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T phải nộp không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Ông Đặng Phước T nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 264, Điều 266; Điều 267; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn bà Đỗ Thị Kim T**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Kim T được ly hôn với ông Đặng Phước T.

Quan hệ hôn nhân theo Giấy chứng nhận kết hôn số 255 ngày 27/10/2003 của Ủy ban nhân dân phường T, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Bà Đỗ Thị Kim T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung tên Đặng Kim N, 09/09/2009. Ông T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 4.000.000 đồng, bắt đầu từ tháng 9/2022 đến khi trẻ trưởng thành.

Khi có lý do chính đáng mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Nếu hai bên không tự thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong trường hợp bà T không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung thì trên cơ sở lợi ích của con, ông T hoặc bà T, hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- Về tài sản chung: Không xem xét.

- Về nghĩa vụ dân sự: Không xem xét.

**2. Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm:** Bà Đỗ Thị Kim T nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0035379 ngày 14/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Đỗ Thị Kim T đã nộp đủ án phí.

Ông Đặng Phước T nộp 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

**3. Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn, Bị đơn được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**4. Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

### **Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- UBND phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Trúc Lý**